

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2019

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân gia
đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Doanh;

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị N - Sinh năm 1995 (Có mặt)

Trú quán: Thôn C – S – L – Bắc Giang.

Bị đơn: Lục Văn V - Sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú quán: Thôn C – S – L – Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019 và những lời khai của nguyên đơn Chị Vi Thị N lời khai của bị đơn anh Lục Văn V và trong quá trình xét xử, nội dung vụ án như sau:

Chị Vi Thị N kết hôn với anh Lục Văn V trên cơ sở tự nguyện kết hôn, được sự đồng ý của hai bên gia đình anh V, Chị N có đến Ủy ban nhân dân xã S – L - Bắc Giang đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2017. Hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh V, Chị N về chung sống cùng nhau ngay tại Thôn C – S – L – Bắc Giang. Chị N cho rằng cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa

thuận hạnh phúc. Chỉ được một thời gian ngắn anh V, Chị N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau chưa tìm hiểu nhau kỹ, tuổi đời còn trẻ không thống nhất được công việc làm ăn hàng ngày, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt không có hạnh phúc, đến tháng 7/2018 anh V đuổi chị về nhà mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lục Văn V. Anh V cho rằng giữa anh và Chị N chưa tìm hiểu nhau kỹ, không có tiếng nói chung, tuổi đời còn trẻ, vợ chồng có mâu thuẫn do không hiểu nhau dẫn đến bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, đến ngày 02/9/2018 (Dương lịch) Chị N bỏ đi khỏi nhà anh. Nay Chị N đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh, anh chưa đồng ý, anh vẫn mong muốn Chị N suy nghĩ lại để về đoàn tụ gia đình, nếu Chị N kiên quyết ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh V, Chị N đều xác định vợ chồng chưa có con chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh V, Chị N không có tài sản, công nợ chung, đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Chị N vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V; Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chưa có con chung, không đề nghị Toà án giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh V vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh V có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vi Thị N: Cho Chị Vi Thị N được ly hôn với anh Lục Văn V

Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005648 ngày 21/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Vi Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với anh Lục Văn V. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh V vắng mặt lần thứ hai, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh V theo quy định của pháp luật nhưng anh V vẫn vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Anh V, Chị N tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống Chị N xác định do tuổi còn trẻ, chưa được tìm hiểu kỹ, nên tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, cuộc sống có mâu thuẫn, nên chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn, đến nay mỗi người sống một nơi không ai còn quan tâm tới ai. Chị N đề nghị giải quyết ly hôn với anh V; Anh V xác định vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế, do không tìm hiểu kỹ nên có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, hiện vợ chồng đã ly thân với nhau từ ngày 02/9/2018 cho đến nay, nhưng vẫn mong muốn Chị N suy nghĩ lại, nên chưa đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay Chị N kiên quyết không muốn về đoàn tụ gia đình với anh V. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V, Chị N là có thật. Anh V, Chị N kết hôn vào tháng 4/2017 nhưng chỉ chung sống được một thời gian ngắn là đã phát sinh mâu thuẫn không còn chung sống với nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn một năm, cả anh V và Chị N đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành để hòa giải nhưng anh V không đến Tòa

án làm việc do vậy việc hòa giải không có kết quả chứng tỏ đời sống chung giữa anh V và Chị N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của Chị N đối với anh V: Cho Chị N được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Anh V, Chị N chưa có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh V, Chị N không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử đặt ra không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vi Thị N: Cho Chị Vi Thị N được ly hôn với anh Lục Văn V.

Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005648 ngày 21/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- UBND xã S, huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Văn Thế